

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày: 27/5/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đại Dương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Thanh Tuấn** và ông **Nguyễn Trung**

Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Đăng Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện M, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS, ngày 21 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ A (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 1995 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 02/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T – Sinh năm: 1969 và bà N – Sinh năm: 1956; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình. Có chồng là N - Sinh năm: 1980 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019. Hiện chồng và con trú tại: Làng Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

2/ T (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 1989 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 01/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T – Sinh năm: 1969 và bà N – Sinh năm: 1956; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Có chồng là P - Sinh năm: 1994 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện chồng và con trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

3/ A (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 2003 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 9/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T – Sinh năm: 1969 và bà N – Sinh năm: 1956; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình. Có chồng là Sung - Sinh năm: 2002 và 01 người con sinh năm 2020. Hiện chồng và con trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

4/ K (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 2001 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 8/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông K – Sinh năm: 1980 và bà G – Sinh năm: 1982; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình. Có chồng là Đêu - Sinh năm: 1996 và 01 người con sinh năm 2017. Hiện chồng và con trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

5/ D (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 1998 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 7/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông D (Đã chết) và bà W – Sinh năm: 1946; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1998, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Có chồng là H - Sinh năm: 1996 và 01 người con sinh năm 2016. Hiện chồng và con trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

6/ Y (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 1990 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 01/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T (Đã chết) và bà V (Đã chết). Gia đình có 09 anh em, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1990, bị cáo là con thứ 09 trong gia

đình. Có chồng là B - Sinh năm: 1984 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện chồng và con trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

7/ K (Tên gọi khác: Không), Sinh năm: 2001 tại huyện M, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 4/12; Dân tộc: Bahnar; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Kh (Đã chết) và bà C – Sinh năm: 1970; hiện cư trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai. Gia đình có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2005, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Bị cáo chưa có chồng và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2021 cho đến nay (Có mặt).

+ Người bào chữa theo yêu cầu của các bị cáo A, T, K, D, Y, K, A: Ông **Huỳnh Văn K** – Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai (Có mặt)

+ Người bị hại: Chị Đặng Thị B – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ D – Sinh năm: 1990

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

2/ C – Sinh năm: 1956

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

3/ S – Sinh năm: 2002 (Có mặt)

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

4/ N – Sinh năm: 1989

Trú tại: Làng K, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/10/2021, A, Y, A, T, K và D cùng nhau đi bẻ măng tại khu vực thôn M, xã Đ huyện M, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày khi đi qua rẫy cao su của gia đình chị Đặng Thị B tại thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai thì A nảy sinh ý định trộm cắp mủ cao su của gia đình chị B bán kiếm tiền tiêu xài. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi đi bẻ măng về trong lúc ngồi chơi tại nhà ông T (là cha ruột của A) thì A rủ Y, K, A, T, K và D đi trộm cắp mủ cao su thì tất cả đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô mang Biển kiểm soát: 81T3 - 0087 chở T, D điều

hiển xe mô tô mang Biển kiểm soát: 81R7 - 5654 chở A, K điều khiển xe mô tô (không biển kiểm soát) còn Y điều khiển xe mô tô mang BKS: 86K3 - 8568 đi một mình. Lúc này A, Y, K, A, T, K và D mỗi người cầm theo 01 bao tải xác rắn đi đến rẫy cao su của gia đình chị Đặng Thị B, khi đến nơi các đối tượng cất giấu xe mô tô vào rẫy chuối của Công ty H Gia Lai rồi đi qua rẫy cao su của gia đình chị B thực hiện hành vi trộm cắp 90kg mủ cao su (loại mủ đông chén) bỏ vào 06 bao tải xác rắn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi trộm cắp mủ cao su A, Y, K, An, T, K và D chuẩn bị đi về thì bị chị B phát hiện truy hô người dân vây bắt quả tang K, D, và A cùng tang vật gồm: 06 bao xác rắn chứa mủ cao su đông chén và 04 xe mô tô gồm: xe mô tô mang BKS: 81R7 - 5654, loại xe Wave S màu đen xám; xe mô tô mang BKS: 86K3 - 8568 loại xe Wave màu xanh; xe mô tô BKS: 81T3 - 0087 loại xe Sirius màu đen bạc và xe mô tô loại xe Wave, màu xanh (không biển kiểm soát). Đối với 01 bao tải xác rắn đã bị thất lạc nên cơ quan CSĐT Công an huyện M truy tìm nhưng chưa có kết quả. Ngày 20/10/2021 các đối tượng Y, K, An và T đến Công an huyện M đầu thú đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 23 ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 90kg mủ cao su (loại mủ đông chén) có giá trị là 3.049.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS, ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A mức án từ 9 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo K và D mức án từ 6 (Sáu) đến 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo An, T, Y, K mức án từ 6 (Sáu) đến 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

Đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải đóng án phí và xử lý vật chứng của vụ án.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng nhưng xin giảm nhẹ hình phạt, đừng áp dụng hình phạt

tù vì đang nuôi con nhỏ, mẹ già mà hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, là lao động chính.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An: Tội phạm và hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo ít học, nhận thức pháp luật kém, là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, là lao động chính và có con nhỏ, mẹ già, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn đã trả lại cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo Y, K, An, T sau khi trộm cắp đã ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra: Điều tra viên Công an huyện M, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các đương sự trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An đã thực hiện trộm cắp tài sản là mũ cao su. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 3.049.000 đồng. Do đó, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Xét về tính chất vụ án thì thấy rằng: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công, phân nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo nên có tính chất đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này, A là người cầm đầu, giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng nên phải chịu hình phạt cao nhất.

Đối với các bị cáo T, K, D, Y, K, An khi được A rủ đi trộm cắp là đồng ý ngay, giữ vai trò là người thực hành nên phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai nhận hành vi phạm tội, biết ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc diện hộ nghèo, là lao động chính và có con còn nhỏ, mẹ già, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã trả lại cho người bị hại. Các bị cáo đều là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, ít nhận thức pháp luật, bị cáo Y, K, An, T sau khi trộm cắp đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại 90Kg mũ cao su bị các bị cáo trộm cắp cho người bị hại. Hiện nay, Người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

[6] Xử lý vật chứng trong vụ án:

- 06 bao tải xác rắn không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.
- Đối với 01 bao tải xác rắn là vật chứng của vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M truy tìm chưa được, khi nào truy tìm được sẽ xử lý sau.
- 01 xe mô tô mang BKS: 81R7 - 5654, loại xe Wave S, màu đen xám của bà D cho bị cáo D mượn mà không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại xe trên cho bà D. Hiện nay, bà D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.
- 01 xe mô tô mang BKS: 86K3 - 8568, loại xe Wave, màu xanh của anh S. Bị cáo An lấy đi mà anh S không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản nên trả lại cho anh S.
- 01 xe mô tô mang BKS: 81T3 - 0087, loại xe Sirius, màu đen bạc của anh N. Bị cáo A lấy đi mà anh N không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản nên trả lại cho anh N.

- 01 xe mô tô loại xe Wave, màu xanh (không biển kiểm soát) của bà C. Bị cáo K lấy đi mà bà C không biết bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản nên trả lại cho bà C.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo A 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo T 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo K 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo D 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Y 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo K 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo An 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục và Người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

* Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Các bị cáo T, K, D, Y, K, An cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An thay đổi

nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm c khoản 2; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 06 bao tải xác rắn không còn giá trị sử dụng

3.2 Trả lại tài sản cho chủ sở hữu:

- Trả lại cho anh Sung 01 xe mô tô mang BKS: 86K3 - 8568, loại xe Wave, màu xanh.

- Trả lại cho anh Nuih 01 xe mô tô mang BKS: 81T3 - 0087, loại xe Sirius, màu đen bạc.

- Trả lại cho bà Chham 01 xe mô tô loại xe Wave, màu xanh (không biển kiểm soát).

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 mục 1 phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/ 2016. Buộc các bị cáo A, T, K, D, Y, K, An mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/5/2022). Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện M
- VKSND tỉnh Gia Lai
- CA huyện M
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Luật sư
- Thi hành án hình sự (Khi án có hiệu lực)
- UBND xã Đ
- UBND xã A
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

